BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP TP.HCM
---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ
## HK1 (2018-2019)

| STT | Mã LHP | Tên môn học | Lớp học | Lịch học | | | | | | Tuần học | | | | | Thời gian học | | Số tiết | Phòng | Giảng viên |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Thứ | Từ tiết | Đến tiết | Loại lịch | Số tiết | Sĩ số | T13 | T14 | T15 | T16 | T17 | Bắt đầu | Kết thúc | | | |
| 1 | 020300015401 | Công nghệ gốm-sứ | Lop it_CDHO16A | **4** | 12 | 14 | LT | 45 | 1 | | x | x | | | 31/10/2018 | 07/11/2018 | **6** | **F0.03** | Hoàng Thị Thanh |
| 2 | 020300570001 | Các sản phẩm dầu và khí | Lop it_CDPT15 | **5** | 12 | 14 | LT | 30 | 1 | x | x | | | | 25/10/2018 | 01/11/2018 | **6** | **F0.03** | Phạm Hoàng Ái Lệ |
| 3 | 420300715301 | An toàn lao động | Lop it_DHHD9_ATLD | **6** | 3 | 5 | LT | 15 | 1 | x | x | | | | 26/10/2018 | 02/11/2018 | **6** | **F0.03** | Đoàn Mạnh Tuấn |
| 4 | 420300719501 | Các phương pháp phân tích hóa lý | Lop it_DHHD9_CPPPTHL | **6** | 3 | 5 | LT | 30 | 2 | x | x | | | | 26/10/2018 | 02/11/2018 | **6** | **F1.04** | Trần Thị Thanh Thúy |
| 5 | 420300992301 | Kỹ thuật đo lường và tự động hóa | Lop it_DHHD9_KTDL | **4** | 3 | 5 | LT | 30 | 1 | x | x | | | | 24/10/2018 | 31/10/2018 | **6** | **F3.02** | Võ Thanh Hưởng |
| 6 | 420300718401 | Thiết bị dầu khí | Lop it_DHHD9_TBDK | **4** | 6 | 8 | LT | 45 | 1 | x | x | | | | 24/10/2018 | 31/10/2018 | **6** | **F3.05** | Trần Ngọc Thắng |
| 7 | 421601126901 | Các quá trình thiết bị công nghệ Hóa học | Lop it_ DHHO10AVLN_QTTBCNHH | **5** | 12 | 14 | LT | 45 | 2 | x | x | | | | 25/10/2018 | 01/11/2018 | **6** | **F3.02** | Phạm Văn Hưng |
| 8 | 420300719201 | Cơ sở thiết kế và chế tạo thiết bị hóa chất | Lop it_DHHO9_CSTKTB | **6** | 12 | 14 | LT | 30 | 6 | x | x | x | x | x | 26/10/2018 | 23/11/2018 | **15** | **F3.02** | Trương Văn Minh |
| 9 | 420300716901 | Tin học ứng dụng trong công nghệ hóa học | Lop it_DHHO9A_THUD | **4** | 12 | 14 | TH | 60 | 1 | x | x | | | | 24/10/2018 | 31/10/2018 | **6** | **F3.05** | Phạm Thành Tâm |
| 10 | 422001017701 | Anh văn chuyên ngành Công nghệ Hữu cơ | Lop it_DHHO9BTT | **4** | 9 | 11 | LT | 30 | 3 | x | x | | | | 24/10/2018 | 31/10/2018 | **6** | **F2.10** | Nguyễn Văn Cường |